BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 63/2011/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 2011*

THÔNG TƯ

Quy định về việc áp dụng thí điểm chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14/6/2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29/11/2006;

Căn cứ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế, Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 698/VPCP- KTTH ngày 30/01/2011 của Văn phòng Chính phủ về việc ban hành chế độ ưu tiên thủ tục hải quan;

Bộ Tài chính quy định cụ thể áp dụng thí điểm chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện như sau:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

1. Áp dụng thí điểm chế độ ưu tiên trong quản lý nhà nước về hải quan đối với một số doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện quy định tại Thông tư này.

2. Ngoài các ưu tiên được hưởng theo quy định tại Thông tư này, doanh nghiệp còn được hưởng các ưu tiên khác trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan theo quy định của pháp luật đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

3. Doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp ưu tiên) được hưởng chế độ ưu tiên quy định tại Thông tư này ở tất cả các đơn vị hải quan trong toàn quốc, cả trong giai đoạn làm thủ tục thông quan hàng hóa và giai đoạn kiểm tra sau thông quan.

4. Khi được công nhận là doanh nghiệp ưu tiên thì tất cả hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, nhập khẩu (trừ hàng hóa nhập khẩu của doanh nghiệp quy định tại khoản 2 điều 3, Thông tư này), mua bán ở nội địa của doanh nghiệp được hưởng chế độ ưu tiên.

Điều 2. Thời hạn thực hiện thí điểm

Thời hạn thực hiện thí điểm chế độ ưu tiên là 02 (hai) năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành. Hết thời hạn thí điểm, Tổng cục Hải quan tổng kết đánh giá việc thực hiện, báo cáo Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chế độ thực hiện ổn định, lâu dài.

Chương II
ĐIỀU KIỆN DOANH NGHIỆP ƯU TIÊN

Điều 3. Các loại doanh nghiệp ưu tiên

Doanh nghiệp ưu tiên gồm ba loại:

1. Doanh nghiệp được ưu tiên trong xuất khẩu, nhập khẩu tất cả các mặt hàng, loại hình xuất khẩu, nhập khẩu (bao gồm cả hàng hóa và dịch vụ xuất nhập khẩu mua, bán ở nội địa).

2. Doanh nghiệp được ưu tiên trong xuất khẩu hàng hóa là thủy sản, nông sản, dầu thô có xuất xứ thuần túy Việt Nam.

3. Doanh nghiệp được ưu tiên trong nhập khẩu hàng hóa phục vụ sản xuất, xuất khẩu sản phẩm thuộc lĩnh vực công nghệ cao được Nhà nước khuyến khích đầu tư, có yêu cầu đặc biệt về quy trình sản xuất và quản lý sản phẩm.

Điều 4. Điều kiện doanh nghiệp ưu tiên

Doanh nghiệp ưu tiên phải là doanh nghiệp có độ rủi ro thấp nhất, đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Có quá trình tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật về thuế, pháp luật về thương mại, đầu tư, pháp luật về doanh nghiệp trong hoạt động xuất nhập khẩu (dưới

đây gọi chung là pháp luật) hoặc đã có sai phạm nhưng chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính ở mức thấp như quy định cụ thể tại điều 5 Thông tư này; cơ quan hải quan có niềm tin vào sự tuân thủ pháp luật trong tương lai của doanh nghiệp theo quy định cụ thể tại điều 6 Thông tư này.

2. Có kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định cụ thể tại điều 7 Thông tư này.

3. Thực hiện chế độ kế toán minh bạch theo quy định cụ thể tại điều 8 Thông tư này.

4. Hoạt động kinh doanh có hiệu quả.

5. Thực hiện thanh toán qua ngân hàng đối với tất cả hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

6. Thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

7. Tự nguyện đề nghị được công nhận là doanh nghiệp ưu tiên theo các quy định cụ thể tại điều 9 Thông tư này.

Điều 5. Điều kiện về quá trình tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp

1. Doanh nghiệp có quá trình tuân thủ pháp luật là doanh nghiệp chưa bị cơ quan hải quan và các cơ quan quản lý nhà khác quy định tại khoản 3 điều này xử lý vi phạm pháp luật; hoặc, trong thời hạn quy định tại khoản 2 điều này, có không quá 03 (ba) lần bị các cơ quan nói trên xử lý vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền với mức phạt mỗi lần không quá 20 triệu đồng, không kèm theo các hình thức phạt bổ sung (như tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm; buộc tiêu hủy, buộc đưa hàng hóa ra khỏi Việt Nam; buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật vi phạm).

2. Thời hạn đánh giá quá trình tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp là 36 (ba mươi sáu) tháng trở về trước, kể từ ngày Tổng cục Hải quan nhận được văn bản của doanh nghiệp đề nghị được công nhận là doanh nghiệp ưu tiên.

Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 2, khoản 3 điều 3, nếu thời gian hoạt động chưa đủ 36 tháng (nhưng không ít hơn 12 tháng), đáp ứng quy định tại điều 4 và khoản 1 điều này thì cũng thuộc diện được xem xét công nhận là doanh nghiệp ưu tiên.

3. Các cơ quan có thẩm quyền xác nhận việc tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp:

3.1. Cơ quan xác nhận việc tuân thủ pháp luật hải quan (bao gồm cả việc chấp hành pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu) là Tổng cục Hải quan.

3.2. Các cơ quan có thẩm quyền khác xác nhận việc tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp theo đề nghị của Tổng cục Hải quan, gồm:

- Cơ quan xác nhận việc tuân thủ pháp luật về thuế nội địa và hiệu quả kinh doanh là Chi cục thuế nơi doanh nghiệp đăng ký, thực hiện nghĩa vụ nộp các khoản thuế nội địa.

- Cơ quan xác nhận việc tuân thủ pháp luật doanh nghiệp là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố, hoặc Ban Quản lý khu công nghiệp, Ban quản lý khu kinh tế nơi doanh nghiệp có trụ sở chính hoặc có cơ sở sản xuất.

- Cơ quan xác nhận việc tuân thủ pháp luật thương mại là Chi cục Quản lý thị trường tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp có trụ sở và có cơ sở sản xuất kinh doanh. Trường hợp doanh nghiệp có trụ sở, cơ sở sản xuất kinh doanh ở nhiều tỉnh, thành phố thì phải có xác nhận của Chi cục quản lý thị trường tại tất cả các tỉnh, thành phố đó.

Điều 6. Điều kiện về độ tin cậy

1. Cơ quan hải quan có thể tin tưởng vào sự tuân thủ pháp luật trong tương lai của doanh nghiệp.

2. Đối với những doanh nghiệp đáp ứng điều kiện quy định tại điều 4, điều 5 Thông tư này, nhưng cơ quan hải quan chưa có đủ cơ sở để tin tưởng sự tuân thủ pháp luật trong tương lai của doanh nghiệp thì chưa đưa vào diện áp dụng thí điểm này.

Điều 7. Điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu

1. Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 1, Điều 3 Thông tư này: Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu tối thiểu đạt 500 triệu USD/01 năm.

2. Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 2, Điều 3 Thông tư này : Kim ngạch xuất khẩu đạt tối thiểu 100 triệu USD/01năm.

3. Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư này: Giao Tổng cục Hải quan xác định kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu cụ thể cho phù hợp với đặc thù công nghệ sản xuất, quản lý đối với từng loại mặt hàng.

Điều 8. Điều kiện về chế độ kế toán minh bạch

Doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán minh bạch là doanh nghiệp được cơ quan quản lý thuế nơi doanh nghiệp đăng ký, nộp thuế nội địa xác nhận, đánh giá là:

1. Áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam.

2. Có chế độ kiểm soát tài chính nội bộ.

3. Có hệ thống sổ, chứng từ kế toán đầy đủ, rõ ràng.

4. Báo cáo tài chính đầy đủ, chính xác, trung thực.

5. Lưu trữ đầy đủ, khoa học các sổ, chứng từ kế toán và các chứng từ liên quan đến hàng hóa xuất nhập khẩu.

6. Thực hiện tốt chế độ tài chính, kế toán.

Điều 9. Tự nguyện đề nghị được công nhận là doanh nghiệp ưu tiên

Doanh nghiệp có nguyện vọng được áp dụng chế độ ưu tiên phải có văn bản đề nghị Tổng cục Hải quan xét, công nhận là doanh nghiệp ưu tiên và cam kết tuân thủ tốt các quy định của pháp luật.

Chương III
QUY TRÌNH XÉT CÔNG NHẬN DOANH NGHIỆP ƯU TIÊN

Điều 10. Thủ tục thông báo áp dụng chế độ ưu tiên

Trên cơ sở thu thập, phân tích thông tin về doanh nghiệp, Tổng cục Hải quan có văn bản thông báo tới từng doanh nghiệp cụ thể về chủ trương, các quy định tại Thông tư này để doanh nghiệp đối chiếu, tự đánh giá điều kiện của doanh nghiệp, quyết định việc đề nghị tham gia.

Điều 11. Hồ sơ đề nghị công nhận là doanh nghiệp ưu tiên

Hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên gồm:

1. Văn bản đề nghị: 01 bản chính, (theo mẫu 01/DNUT ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Các tài liệu, chứng từ tự chứng minh đáp ứng các điều kiện quy định tại Thông tư này, gồm:

2.1. Báo cáo tình hình, thống kê số liệu xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp trong 03 năm gần nhất: 01 bản chính.

Thời gian thống kê là trọn năm, từ ngày 01/01 đến 31/12 của năm. Đối với năm đang thực hiện: nếu mới thực hiện được từ 6 tháng trở xuống thì lấy số liệu của 3 năm trước; nếu đã thực hiện trên 6 tháng thì lấy số liệu các tháng đã thực hiện và dự tính số liệu cả năm (theo mẫu 02/DNUT ban hành kèm theo Thông tư này).

2.2. Báo cáo tài chính hàng năm của 03 năm gần nhất: Nộp 01 bản sao có xác nhận của doanh nghiệp, xuất trình bản chính.

2.3. Báo cáo tình hình chấp hành pháp luật 03 năm gần nhất (nếu bị xử lý vi phạm thì nêu rõ số lần, hành vi, hình thức xử phạt, mức xử phạt, cấp xử phạt, tình hình chấp hành quyết định xử phạt): Nộp 01 bản chính.

2.4. Bản kết luận kiểm toán, thanh tra gần nhất (không quá 01 năm, nếu có): Nộp 01 bản sao có xác nhận của doanh nghiệp, xuất trình bản chính.

Điều 12. Thẩm định điều kiện doanh nghiệp ưu tiên

1. Cơ quan thẩm định: Tổng cục Hải quan.

2. Hình thức thẩm định:

2.1. Tổ chức kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp theo quy định của pháp luật để đánh giá tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp; hoặc nghiên cứu kết luận của kiểm toán hoặc thanh tra gần nhất (nêu ở điểm 2.4, khoản 2, điều 11 Thông tư này), nếu đã đủ để đánh giá việc tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp thì sử dụng kết luận đó thay cho việc kiểm tra sau thông quan tại doanh nghiệp.

2..2. Tổng cục Hải quan có văn bản gửi các cơ quan nêu tại khoản 3, điều 5 nhận xét, đánh giá về sự tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của mình. Thời hạn đánh giá quá trình tuân thủ pháp luật thực hiện theo quy định tại khoản 2, điều 5 Thông tư này. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Tổng cục Hải quan, các cơ quan quản lý nhà nước nói trên có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về đề nghị của Tổng cục Hải quan.

3. Nội dung thẩm định:

3.1. Căn cứ hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên của doanh nghiệp; ý kiến đánh giá, nhận xét của các cơ quan quản lý nhà nước quy định tại khoản 3 điều 5 Thông tư này; kết quả kiểm tra sau thông quan hoặc kết luận thanh tra/kiểm toán và các thông tin khác thu thập được, đối chiếu với các điều kiện doanh nghiệp ưu tiên quy định từ điều 3 đến điều 9, chương II của Thông tư này, Tổng cục Hải quan nhận xét, đánh giá về việc đáp ứng các điều kiện của doanh nghiệp. Nếu đủ điều kiện thì thông báo cho doanh nghiệp để hai bên tiến hành thảo luận nội dung cụ thể của bản ghi nhớ về việc xét, công nhận doanh nghiệp ưu tiên (theo mẫu 03/DNUT ban hành kèm theo Thông tư này).

3.2. Kiểm tra (kể cả trường hợp chấp nhận kết quả kiểm toán/thanh tra) về hạ tầng kỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin của doanh nghiệp để đáp ứng yêu cầu trao đổi dữ liệu điện tử giữa doanh nghiệp và cơ quan hải quan.

4. Nội dung bản ghi nhớ: Bản ghi nhớ ngoài các nội dung khác tùy theo đặc điểm, tình hình hoạt động của từng doanh nghiệp, phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tên, địa chỉ, điện thoại, fax, e-mail của doanh nghiệp;
- Những ưu tiên dành cho doanh nghiệp;
- Trách nhiệm của doanh nghiệp;
- Trách nhiệm của Tổng cục Hải quan;

- Thống nhất về xác định mã số các mặt hàng doanh nghiệp đã xuất khẩu, nhập khẩu. Mã số hàng hóa đã được hai bên thống nhất là căn cứ để doanh nghiệp khai hải quan khi làm thủ tục xuất, nhập khẩu hàng hóa. Nếu sau này phát hiện mã số đã thống nhất không đúng thì Tổng cục Hải quan báo cáo Bộ Tài chính điều chỉnh để áp dụng cho các lô hàng phát sinh sau thời điểm điều chỉnh đó;

- Đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên;

- Cam kết thực hiện.

5. Thời hạn thẩm định không quá 45 ngày kể từ ngày Tổng cục Hải quan nhận được hồ sơ đề nghị của doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được công nhận là doanh nghiệp ưu tiên thì Tổng cục Hải quan có văn bản thông báo cho doanh nghiệp biết.

Điều 13. Quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên

1. Người quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên là Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

2. Thời hạn ban hành quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.

3. Mẫu Quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên ban hành kèm theo Thông tư này (mẫu 04/DNUT).

Điều 14. Đánh giá lại, gia hạn

1. Thời hạn doanh nghiệp được hưởng chế độ ưu tiên lần đầu là 12 tháng, kể từ ngày Tổng cục Hải quan ký Quyết định áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp. Sau thời hạn này, Tổng cục Hải quan thực hiện đánh giá lại, nếu doanh nghiệp vẫn đáp ứng các điều kiện quy định thì tiếp tục được gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên.

2. Các nội dung chính cần xem xét, đánh giá gồm: Tình hình đáp ứng các điều kiện doanh nghiệp ưu tiên và tình hình thực hiện trách nhiệm của mỗi bên. Nếu xét thấy cần thiết, Tổng cục Hải quan tổ chức lấy ý kiến các cơ quan quản lý nhà nước liên quan quy định tại khoản 3, Điều 5 Thông tư này.

3. Nếu kết quả đánh giá lại doanh nghiệp vẫn đáp ứng điều kiện quy định, có nguyên vọng tiếp tục được áp dụng chế độ ưu tiên thì Tổng cục Hải quan ban hành quyết định gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp trong thời hạn 36 (ba mươi sáu) tháng tiếp theo (theo mẫu 05/DNUT ban hành kèm theo Thông tư này).

4. Việc đánh giá lại các lần sau, cứ 36 tháng một lần, hai bên tổ chức đánh giá lại việc thực hiện. Nội dung đánh giá lại, xử lý kết quả đánh giá thực hiện như khoản 2, khoản 3, Điều này.

5. Nếu doanh nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện về doanh nghiệp ưu tiên thì Tổng cục Hải quan ra quyết định đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên.

Điều 15. Cơ quan hải quan quản lý doanh nghiệp ưu tiên

1. Để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp ưu tiên, tránh nhận thức khác nhau dẫn đến cách áp dụng khác nhau, thống nhất đầu mối quản lý doanh nghiệp ưu tiên là cơ quan Tổng cục Hải quan (Cục Kiểm tra sau thông quan).

2. Để việc nhận xét, đánh giá đối với doanh nghiệp được đầy đủ, chính xác, Tổng cục Hải quan yêu cầu hải quan các địa phương liên quan cung cấp thông tin, nhận xét, đánh giá về quá trình chấp hành pháp luật, tình hình hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

3. Các cơ quan khác thuộc, trực thuộc Tổng cục Hải quan có thông tin, đề xuất liên quan đến việc chấp hành pháp luật, thông quan hàng hóa, kiểm tra sau thông quan, thanh tra, xử lý vi phạm đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, hàng hóa và dịch vụ mua ở nội địa của doanh nghiệp ưu tiên thì báo cáo Tổng cục Hải quan để xem xét, quyết định.

Chương IV
CHẾ ĐỘ ƯU TIÊN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Điều 16. Các ưu tiên trong giai đoạn thông quan

Các ưu tiên trong giai đoạn thông quan là: Miễn kiểm tra chi tiết hồ sơ hải quan, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa (trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng):

1. Miễn kiểm tra chi tiết hồ sơ hải quan (bao gồm cả hồ sơ giấy và hồ sơ điện tử) là việc cơ quan hải quan chỉ tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ (về hình thức) của hồ sơ, chưa kiểm tra chi tiết nội dung. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan hải quan về tính hợp pháp, hợp lệ, nội dung hồ sơ.

2. Miễn kiểm tra thực tế hàng hóa bao gồm miễn kiểm tra thủ công và miễn kiểm tra bằng máy móc, thiết bị.

Điều 17. Các ưu tiên trong giai đoạn sau thông quan

Trong thời gian doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên, cơ quan hải quan không thực hiện việc kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp (trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng và trường hợp kiểm tra để đánh giá sự tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật).

1. Không kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp là cơ quan hải quan không ban hành quyết định, không thành lập đoàn kiểm tra tới trụ sở doanh nghiệp kiểm tra. Trong trường hợp được cơ quan hải quan thông báo những sai sót của doanh nghiệp hoặc những vấn đề cần được làm rõ thì doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra lại, giải trình với cơ quan hải quan. Hình thức giải trình, địa điểm giải trình theo quy định tại điều 145, Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính.

2. Kiểm tra theo kế hoạch để đánh giá sự tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp ưu tiên: Thời hạn kiểm tra ít nhất 05 năm mới kiểm tra một lần.

Điều 18. Thực hiện thủ tục Hải quan điện tử

1. Khi thực hiện thủ tục hải quan điện tử, hồ sơ điện tử được miễn kiểm tra và được phản hồi 24/24h/ngày, 7/7 ngày/tuần.

2. Trường hợp có lý do chính đáng, hàng hóa của doanh nghiệp ưu tiên được thông quan bằng hồ sơ đơn giản gồm: Tờ khai hải quan, hóa đơn thương mại và giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (nếu có). Các chứng từ khác được doanh nghiệp nộp bổ sung trong thời hạn 30 ngày theo quy định tại Điều 9, Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ.

3. Tờ khai hải quan điện tử của doanh nghiệp ưu tiên được hệ thống đăng ký tờ khai của cơ quan hải quan nhận dạng để tự động áp dụng chế độ ưu tiên.

Điều 19. Ưu tiên nộp thuế, phí hải quan

1. Doanh nghiệp (nếu có nhu cầu) được thực hiện nộp phí, lệ phí hải quan định kỳ mỗi tháng một lần, vào một ngày nhất định do doanh nghiệp đăng ký với Tổng cục Hải quan.

2. Doanh nghiệp (nếu có nhu cầu) được thực hiện nộp thuế cho cơ quan hải quan định kỳ mỗi tháng một lần, vào một ngày nhất định do doanh nghiệp đề nghị đối với các lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu còn trong thời hạn ân hạn nộp thuế theo quy định của pháp luật.

3. Nộp thuế, phí qua ngân hàng thực hiện theo quy định tại điều 3, Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ.

Điều 20. Áp dụng chế độ hoàn thuế trước, thanh khoản trước, kiểm tra sau

1. Việc hoàn thuế trước, kiểm tra sau thực hiện theo quy định tại Điều 60 Luật Quản lý thuế; Điều 30 Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; khoản 21, Điều 1, Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2007/NĐ-CP.

2. Doanh nghiệp ưu tiên được áp dụng chế độ thanh khoản trước, kiểm tra sau theo quy định tại khoản 1 điều này đối với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu thuộc loại hình chế xuất, gia công.

Điều 21. Sửa chữa tờ khai, khai bổ sung hồ sơ hải quan

Việc sửa chữa tờ khai, khai bổ sung hồ sơ hải quan được thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính.

Điều 22. Khai hải quan một lần

1. Việc khai hải quan một lần và thời hạn thanh khoản tờ khai một lần thực hiện theo quy định tại điều 9, Nghị định số 154//2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ.

2. Doanh nghiệp ưu tiên được khai hải quan một lần dưới hai hình thức:

- Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua biên giới, qua cửa khẩu thì thực hiện khai hải quan trước; xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa sau.

- Đối với hàng hóa nhập khẩu tại chỗ; nguyên liệu, linh kiện, phụ tùng phục vụ sản xuất của doanh nghiệp mua từ kho ngoại quan được thực hiện nhập khẩu hàng hóa trước (có sự giám sát, vào sổ theo dõi của hải quan kho ngoại quan), khai hải quan sau.

Chương V
TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN, DOANH NGHIỆP

Điều 23. Trách nhiệm của cơ quan hải quan

1. Cơ quan hải quan dành cho doanh nghiệp ưu tiên các ưu tiên quy định từ Điều 16 đến Điều 22, chương IV Thông tư này, trừ trường hợp phát hiện doanh nghiệp có một trong các vi phạm sau đây:

1.1. Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

1.2. Có căn cứ khẳng định doanh nghiệp khai sai tên hàng, mã số hàng hóa, số lượng, trọng lượng, trị giá, xuất xứ...hàng hóa dẫn đến khai sai về thuế (giảm số thuế phải nộp, tăng số thuế được hoàn, làm phát sinh hoặc tăng số thuế được miễn) từ 50 (năm mươi) triệu đồng trở lên thì quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp. Sau khi xem xét, xử lý vi phạm, nếu doanh nghiệp bị xử phạt tới mức làm cho doanh nghiệp không còn đáp ứng điều kiện tuân thủ pháp luật hải quan thì quyết định đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp và thu hồi Quyết

định công nhận doanh nghiệp ưu tiên, đồng thời thông báo đến các cơ quan có liên quan tại khoản 3 điều 5 Thông tư này.

- Cấp có thẩm quyền quyết định đình chỉ, tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp là Tổng cục Hải quan. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan nếu phát hiện doanh nghiệp có vi phạm thì báo cáo Tổng cục Hải quan để xem xét, quyết định đình chỉ/tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên (mẫu 06/DNUT), Quyết định hủy Quyết định đình chỉ/tạm đình chỉ (mẫu 07/ban hành kèm theo Thông tư này).

- Khi Tổng cục Hải quan chưa ban hành quyết định tạm đình chỉ/đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp thì doanh nghiệp vẫn được áp dụng chế độ ưu tiên.

2. Thường xuyên thu thập, phân tích tình hình hoạt động, số liệu hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp để giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực tuân thủ pháp luật, phát hiện sớm các sai sót để kịp thời khắc phục.

Tổng cục Hải quan tổ chức một bộ phận chuyên phối hợp với doanh nghiệp để tiếp nhận, thu thập thông tin, phân tích tình hình hoạt động, số liệu hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp có sai sót hoặc phát hiện vấn đề cần được làm rõ thì thông báo cho doanh nghiệp biết để tự kiểm tra lại:

- Nếu doanh nghiệp công nhận phát hiện của cơ quan hải quan là đúng thì yêu cầu doanh nghiệp tự khắc phục (khai bổ sung; bổ sung chứng từ; nộp thuế bổ sung...).

- Nếu doanh nghiệp cho rằng phát hiện của cơ quan hải quan là không đúng hoặc trường hợp có vấn đề cơ quan hải quan còn chưa rõ thì đề nghị doanh nghiệp có văn bản (kèm chứng từ, tài liệu chứng minh) giải trình. Nếu giải trình của doanh nghiệp cho thấy doanh nghiệp có đủ căn cứ pháp luật, chứng cứ chứng minh doanh nghiệp không có sai sót hoặc giải trình rõ vấn đề cơ quan hải quan nêu ra thì cơ quan chấp nhận giải trình của doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp không giải trình hoặc không giải trình được thì cùng doanh nghiệp kiểm tra lại vấn đề và cơ quan hải quan căn cứ vào quy định của pháp luật kết luận, xử lý.

3. Sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu của doanh nghiệp về tư vấn chính sách, pháp luật.

Các hình thức tư vấn gồm:

- Tư vấn bằng văn bản: Cơ quan hải quan có văn bản trả lời vấn đề doanh nghiệp cần tư vấn.

- Tư vấn trực tiếp: Công chức hải quan được phân công có trách nhiệm tiếp nhận và đáp ứng các yêu cầu tư vấn của doanh nghiệp. Nếu vấn đề doanh nghiệp cần tư

vấn không thuộc lĩnh vực chuyên môn hoặc ngoài khả năng của mình thì đề nghị cấp trên trả lời doanh nghiệp bằng văn bản.

Điều 24. Trách nhiệm của doanh nghiệp ưu tiên

1. Tuân thủ tốt pháp luật.

2. Thường xuyên thực hiện việc tự kiểm tra, phát hiện, khắc phục sai sót. Trường hợp phát sinh mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu mới chưa được hai bên thống nhất mã số thì doanh nghiệp đề xuất mã số mặt hàng, thông báo cho Tổng cục Hải quan để xem xét, thống nhất.

3. Định kỳ cung cấp tình hình, số liệu về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cho cơ quan hải quan.

- Mỗi quý 01 (một) lần, vào tuần đầu quý, doanh nghiệp cung cấp cho Tổng cục Hải quan tình hình, số liệu hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của quý trước (theo mẫu 08a/DNUT, 08b/DNUT ban hành kèm theo Thông tư này).

- Hình thức cung cấp: Qua mạng vi tính được kết nối giữa Tổng cục Hải quan và doanh nghiệp.

4. Sẵn sàng làm rõ những vấn đề liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp theo yêu cầu của cơ quan hải quan.

Khi được Tổng cục Hải quan thông báo những sai sót hoặc những vấn đề chưa rõ trong hồ sơ hải quan, doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra lại, trả lời, giải trình đầy đủ, kịp thời những vấn đề cơ quan hải quan thông báo.

5. Hợp tác tốt với cơ quan Hải quan trong trường hợp cơ quan Hải quan kiểm tra.

Trong trường hợp cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp đề nghị cơ quan hải quan đến làm việc về những vấn đề chưa rõ, doanh nghiệp có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi, hợp tác đầy đủ với đoàn kiểm tra; những vấn đề còn ý kiến khác nhau thì cùng tìm phương án giải quyết phù hợp quy định của pháp luật.

6. Trước khi thực hiện chế độ ưu tiên theo quy định tại Thông tư này, doanh nghiệp ưu tiên có trách nhiệm thông báo cho Tổng cục Hải quan, Chi cục hải quan nơi làm thủ tục cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp về đại lý làm thủ tục hải quan cho hàng hóa xuất nhập khẩu của doanh nghiệp và cam kết về sự tuân thủ pháp luật của đại lý. Trường hợp thay đổi đại lý thì cần phải thông báo cho cơ quan hải quan nói trên biết. Doanh nghiệp ưu tiên phải thường xuyên kiểm tra việc tuân thủ pháp luật của đại lý để phát hiện sai sót (nếu có) và thông báo ngay cho cơ quan Hải quan.

Chương VI
XỬ LÝ VI PHẠM; KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 25. Xử lý vi phạm

1. Doanh nghiệp ưu tiên nếu vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Nghiêm cấm tổ chức, cá nhân lợi dụng chế độ ưu tiên này để vi phạm chính sách, pháp luật; nếu vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Khiếu nại, tố cáo

1. Mọi cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại; mọi công dân có quyền tố cáo những vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện Thông tư này.

2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương VII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Trách nhiệm thực hiện

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan căn cứ vào quy định tại Thông tư này chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị hải quan thực hiện; sau thời gian thí điểm, tổ chức tổng kết, đánh giá việc thực hiện, xây dựng chế độ để Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định ban hành.

2. Tổng cục Hải quan có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan để đảm bảo thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả các quy định tại Thông tư này.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Mẫu 01/DNUT

Tên công ty..…	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
V/v đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên	*..., ngày...tháng...năm...*

Kính gửi: Tổng cục Hải quan

Tên công ty:……..……..…….....……
Mã số thuế:……...…….....……
Địa chỉ trụ sở:……...…….....…..……
Số ĐT :…….....……; số FAX:……...…...……..……
E-mail:…….....……...……
Giấy phép thành lập số:…....; ngày cấp:……; cơ quan cấp:….....……..
Giấy chứng nhận đăng ký KD số:.…; ngày cấp:...…; cơ quan cấp:….....……
Ngành nghề KD:…….....……...……
Loại hình KD XK, NK:…….....……...……
Mặt hàng KD XK, NK:…….....…….....……..

Căn cứ điều kiện doanh nghiệp ưu tiên quy định tại các điều……..Thông tư số…/…/TT-BTC ngày… tháng… năm… của Bộ Tài chính quy định thí điểm áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp đủ điều kiện; Công ty …… đã tự đánh giá, đối chiếu với quy định trên đây, nhận thấy có đủ điều kiện để được công nhận là doanh nghiệp ưu tiên.

Công ty …… xin đảm bảo và chịu trách nhiệm trước pháp luật là những tài liệu gửi kèm công văn này là trung thực, chính xác, cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và của Thông tư số…/…/TT-BTC.

Đề nghị Tổng cục Hải quan xem xét, quyết định công nhận Công ty…….là doanh nghiệp ưu tiên.

Tài liệu gửi kèm:
- Bản thống kê số liệu XK, NK (03 năm gần nhất).
- Báo cáo tình hình chấp hành pháp luật (03 năm gần nhất).
- Báo cáo tài chính (03 năm gần nhất).
- Bản kết luận kiểm toán/thanh tra năm...

Nơi nhận:	**GIÁM ĐỐC**
- Tổng cục Hải quan;	(Ký tên, đóng dấu)
- Lưu:…	

Mẫu 02/DNUT

Tên Công ty:…….. **BÁO CÁO TÌNH HÌNH, THỐNG KÊ SỐ LIỆU XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU 03 NĂM**

Mã số thuế:…… (Từ ngày…tháng…năm…đến ngày…tháng…năm…)

I. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

1. Các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu chính:
2. Đại lý làm thủ tục hải quan cho doanh nghiệp (tên, địa chỉ):
3. Các hình thức thanh toán hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:
4. Các ngân hàng thanh toán, tên, số hiệu tài khoản tại ngân hàng:
5. Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp áp dụng:
6. Áp dụng chế độ kiểm soát tài chính nội bộ: Có: , ☐ chưa: ☐
7. Tình hình chấp hành quy định của pháp luật về kế toán (03 năm gần nhất)
8. Tình hình chấp hành pháp luật (03 năm gần nhất) theo quy định tại điều…Thông tư …/…/TT-BTC./.

II. THỐNG KÊ SỐ LIỆU XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

Số TT	Năm báo cáo	Số liệu hàng hóa XK			Số liệu hàng hóa NK		Số tiền thuế đã nộp					Tổng số tiền thuế đã nộp	Lợi nhuận sau thuế	Ghi chú
		Tên hàng chính	Xuất xứ	Kim ngạch (USD)	Tên hàng chính	Kim ngạch (USD)	Thuế XK	Thuế NK	Thuế GTGT	Thuế TTĐB	Thuế thu nhập DN			
1	20…													

Số TT	Năm báo cáo	Số liệu hàng hóa XK			Số liệu hàng hóa NK		Số tiền thuế đã nộp					Tổng số tiền thuế đã nộp	Lợi nhuận sau thuế	Ghi chú
		Tên hàng chính	Xuất xứ	Kim ngạch (USD)	Tên hàng chính	Kim ngạch (USD)	Thuế XK	Thuế NK	Thuế GTGT	Thuế TTĐB	Thuế thu nhập DN			
2	20…													
3	20…													

…, ngày… tháng… năm…

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 03/DNUT

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:……/BGN/TCHQ-DN	

BẢN GHI NHỚ
Về việc công nhận doanh nghiệp ưu tiên

Ngày..... tháng..... năm..... tại..... Đại diện Tổng cục Hải quan (bên A) và đại diện Công ty…(bên B) trong văn bản này gọi tắt là Hai bên; đã thảo luận và thống nhất như sau:

Bên A: Tổng cục Hải quan.

Địa chỉ:.....

Điện thoại Cố định:.....; số FAX:.....

E-Mail:.....

Đại diện: Ông....., chức vụ:.....

Bên B: Công ty.....

Địa chỉ:.....; mã số thuế:.....

Điện thoại cố định:.....; FAX:.....; E-Mail:.....

Giấy phép thành lập số:.....; ngày cấp:.....; nơi cấp:.....

Giấy phép kinh doanh số:.....; ngày cấp:.....; nơi cấp:.....

Đại diện: Ông (bà):.....; chức vụ:.....

Số CMND/hộ chiếu:..... ngày cấp:.....; cơ quan cấp.....

Giấy ủy quyền (nếu có) số:....., ngày....., do Ông:..... chức vụ:..... ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên.

Căn cứ Thông tư số..../…/TT-BTC ngày… tháng… năm… của Bộ Tài chính quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện (sau đây gọi tắt là Thông tư), hồ sơ đề nghị công nhận là doanh nghiệp ưu tiên, kết quả thẩm định doanh nghiệp ưu tiên, Hai bên đã thảo luận và thống nhất như sau:

Điều 1. Bên A công nhận bên B đủ điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Thông tư.

Điều 2. Bên A giành cho bên B được hưởng các ưu tiên quy định tại các điều…. Thông tư.

Điều 3. Bên A cam kết thực hiện các trách nhiệm quy đinh tại điều…Thông tư.

Điều 4. Bên B cam kết thực hiện các trách nhiệm quy định tại điều…Thông tư.

Điều 5. Trong các trường hợp quy định tại điều…của Thông tư hoặc khi bên B đề nghị không tiếp tục áp dụng chế độ ưu tiên, bên A có quyền quyết định tạm đình chỉ/đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với bên B.

Điều 6. Hai bên thống nhất về xác định mã số các mặt hàng Công ty đã xuất khẩu, nhập khẩu (theo phụ lục kèm bản ghi nhớ này). Mã số hàng hóa đã được hai bên thống nhất là căn cứ để Công ty khai hải quan khi làm thủ tục xuất, nhập khẩu hàng hóa. Nếu sau này Công ty xuất khẩu, nhập khẩu mặt hàng mới thì Công ty có trách nhiệm thông báo cho bên A để Hai bên thống nhất mã số mặt hàng trước khi Công ty làm thủ tục hải quan.

Điều 7. Thời hạn thực hiện chế độ ưu tiên là…năm kể từ ngày Tổng cục Hải quan quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên. Sau thời hạn này, Hai bên đánh giá lại để xem xét việc tiếp tục áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại điều… Thông tư.

Điều 8.

Bên A: Đơn vị thường trực là……, số điện thoại……....., số FAX…….., E-Mail…….....

Bên B: Đơn vị thường trực là……...……, số điện thoại ……..., số FAX……..., E-Mail…….....

Đơn vị thường trực là đơn vị đầu mối để Hai bên liên hệ giải quyết những vấn đề phát sinh.

Điều 9. Việc cung cấp, trao đổi thông tin giữa Hai bên được thực hiện bằng đường điện tử. Trường hợp cần thiết phải có hồ sơ giấy thì bên A thông báo để bên B thực hiện.

Điều 10. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định tại Thông tư và thống nhất tại bản ghi nhớ này. Bản ghi nhớ này này là cơ sở để Tổng cục Hải quan quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên đối với Công ty……...……....

Bản ghi nhớ này được làm thành hai bản chính, Tổng cục Hải quan giữ 01 bản, Công ty giữ 01 bản và đều có giá trị như nhau./.

ĐẠI DIỆN TỔNG CỤC HẢI QUAN	**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, ký tên, đóng dấu)	(Ghi rõ họ tên, chức vụ, ký tên, đóng dấu)

Mẫu 04/DNUT

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…../QĐ-TCHQ	*Hà Nội, ngày…tháng…năm…*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận doanh nghiệp ưu tiên

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14/6/2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

Căn cứ Thông tư số …/…/TT-BTC ngày… tháng… năm… của Bộ Tài chính quy định áp dụng thí điểm chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện;

Căn cứ Quyết định số 02/2010/QĐ-TTg ngày 15/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Bản ghi nhớ ngày.... tháng..... năm..... giữa Tổng cục Hải quan và Công ty.....;

Xét hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên..... kèm theo văn bản số..... của Công ty.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận Công ty..... là doanh nghiệp ưu tiên theo quy định tại Thông tư số...../20...../TT-BTC ngày.... tháng..... năm..... của Bộ Tài chính về thí điểm áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện.

Mã số thuế:.....

Địa chỉ trụ sở:.....

Điều 2. Công ty..... được áp dụng chế độ ưu tiên quy định tại điều.....

Thông tư ...../20../TT-BTC ngày …tháng…năm…của Bộ Tài chính.

Điều 3. Công ty..... có trách nhiệm thực hiện các quy định tại điều..... Thông tư ...../20../TT-BTC ngày.... tháng.... năm.... của Bộ Tài chính.

Điều 4. Thời hạn áp dụng chế độ ưu tiên là 12 tháng kể từ ngày ký Quyết định này. Sau thời hạn này, Tổng cục Hải quan thực hiện đánh giá lại để xem xét gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên đối với Công ty.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. Công ty....., Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng cục Hải quan các tỉnh, thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: **TỔNG CỤC TRƯỞNG**

- Công ty…….(để thực hiện);
- Lãnh đạo Tổng cục (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc Tổng cục (để thực hiện);
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố (để thực hiện).
- Lưu: VT, KTSTQ.

Mẫu 05/DNUT

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…../QĐ-TCHQ	*Hà Nội, ngày…tháng…năm…*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14/6/2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

Căn cứ Thông tư số ..../..../TT-BTC ngày..... tháng.... năm..... của Bộ Tài chính quy định áp dụng thí điểm chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện;

Căn cứ Quyết định số 02/2010/QĐ-TTg ngày 15/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Xét Tờ trình số.... ngày..... của Cục Kiểm tra sau thông quan về việc gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên đối với Công ty.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với công ty..... kể từ ngày... tháng.... năm.... đến ngày.... tháng.... năm....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ trụ sở:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công ty....., Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng cục Hải quan các tỉnh, thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Công ty…….(để thực hiện); - Lãnh đạo Tổng cục (để chỉ đạo); - Các đơn vị thuộc Tổng cục (để thực hiện); - Cục Hải quan các tỉnh, thành phố (để thực hiện). - Lưu: VT, KTSTQ.	**TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Mẫu 06/DNUT

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…../QĐ-TCHQ	*Hà Nội, ngày…tháng…năm…*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ/tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14/6/2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

Căn cứ Thông tư số …/…/TT-BTC ngày …tháng…năm…của Bộ Tài chính quy định áp dụng thí điểm chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện;

Căn cứ Quyết định số 02/2010/QĐ-TTg ngày 15/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Xét Tờ trình số… ngày…của Cục Kiểm tra sau thông quan về việc đình chỉ/tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với Công ty.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đình chỉ/Tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với công ty.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ trụ sở:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công ty……, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng cục Hải quan các tỉnh, thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Công ty…….(để thực hiện); - Lãnh đạo Tổng cục (để chỉ đạo); - Các đơn vị thuộc Tổng cục (để thực hiện); - Cục Hải quan các tỉnh, thành phố (để thực hiện). - Lưu: VT, KTSTQ.	**TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Mẫu 07/DNUT

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:…../QĐ-TCHQ	*Hà Nội, ngày…tháng…năm…*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hủy Quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14/6/2005 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan;

Căn cứ Thông tư số …/…/TT-BTC ngày …tháng…năm…của Bộ Tài chính quy định áp dụng thí điểm chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện;

Căn cứ Quyết định số 02/2010/QĐ-TTg ngày 15/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Xét Tờ trình số…ngày…của Cục Kiểm tra sau thông quan về việc hủy Quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với Công ty.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy Quyết định số…/QĐ-TCHQ ngày…tháng…năm…của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với Công ty.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ trụ sở:.....

Điều 2. Công ty……. được tiếp tục áp dụng chế độ ưu tiên theo Quyết định số…/QĐ-TCHQ ngày…tháng…năm…của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Công ty……, Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng cục Hải quan các tỉnh, thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: **TỔNG CỤC TRƯỞNG**

- Công ty…….(để thực hiện);
- Lãnh đạo Tổng cục (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc Tổng cục (để thực hiện);
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố (để thực hiện).
- Lưu: VT, KTSTQ.

Mẫu 08a/DNUT

Tên Công ty…..
Mã số thuế…….

BÁO CÁO SỐ LIỆU, TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU QUÝ…NĂM…

I. THỐNG KÊ SỐ LIỆU XUẤT KHẨU

(Theo từng loại hình xuất khẩu)

Số TT	Số , ngày, tháng, năm tờ khai	Tên hàng hóa	Mã số	Thuế suất	Trị giá (USD	Xuất xứ	Số tiền thuế XK	Số tiền thuế GTGT	Số tiền thuế TTĐB (nếu có)	Tổng số tiền thuế các loại)	Đơn vị hải quan làm thủ tục	Ghi chú
Tổng số	-			-			-	-	-	-		

II. TÌNH HÌNH

1. Tình hình chấp hành pháp luật:
2. Các vướng mắc, kiến nghị:

…, ngày…tháng…năm…..

Người lập
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 08b/DNUT

Tên Công ty…..
Mã số thuế…….

BÁO CÁO SỐ LIỆU, TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU QUÝ…NĂM…

I. THỐNG KÊ SỐ LIỆU NHẬP KHẨU
(Theo từng loại hình nhập khẩu)

Số TT	Số , ngày, tháng, năm tờ khai	Tên hàng hóa	Mã số	Thuế suất	Trị giá (USD	Xuất xứ	Số tiền thuế NK	Số tiền thuế GTGT	Số tiền thuế TTĐB (nếu có)	Tổng số tiền thuế các loại)	Đơn vị hải quan làm thủ tục	Ghi chú
Tổng số	-			-			-	-	-	-		

II. TÌNH HÌNH
1. Tình hình chấp hành pháp luật:
2. Các vướng mắc, kiến nghị:

…, ngày…tháng…năm….

Người lập
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)